HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **15** /HD - CCB

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026

HƯỚNG DẪN
Thi hành Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 – 2031

Căn cứ Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VIII, nhiệm kỳ 2026-2031. Ban Chấp hành Trung ương Hội Hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội như sau:

I. Đối tượng được xét kết nạp vào Hội *(gồm 09 nhóm đối tượng)*

1. Các đồng chí đã tham gia các đơn vị vũ trang do Đảng tổ chức trước ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945, bao gồm: Xích vệ đỏ, Tự vệ đỏ, Du kích Bắc Sơn, Du kích Ba Tơ, Du kích Cao-Bắc-Lạng, Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và các đội du kích, đội tự vệ, đội chiến đấu ở các vùng, miền, các chiến khu…

2. Cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, gồm: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, Bộ đội Biên phòng (tiền thân là Công an vũ trang), Biệt động, đã tham gia kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế, nay đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu. *Cụ thể là*:

- Cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp đã tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới, biển đảo và làm nhiệm vụ quốc tế; chiến đấu, phục vụ chiến đấu tiễu trừ thổ phỉ, Fulro, biệt kích, thám báo…bảo vệ an ninh trên các địa bàn.

- Những quân nhân do điều kiện, hoàn cảnh cụ thể trong các cuộc chiến tranh mà lạc đơn vị hoặc bỏ ngũ về địa phương, sau đó trở về đơn vị cũ hoặc nhập ngũ lại, khi hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ ra quân được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Quân đội và Nhà nước.

3. Cán bộ, chiến sỹ dân quân, du kích, tự vệ đã trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu; đội viên các đội công tác vũ trang vùng địch tạm chiếm. *Cụ thể là*:

- Cán bộ, chiến sỹ dân quân, du kích, tự vệ tập trung ở miền Bắc đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở các đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trước ngày 27 tháng 01 năm 1973 (ngày ký Hiệp định Paris).

- Cán bộ, chiến sỹ dân quân, du kích, giao liên ở miền Nam, đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu theo sự quản lý, phân công hoặc giao nhiệm vụ của tổ chức, cơ sở cách mạng có thẩm quyền trước ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- Cán bộ, chiến sỹ dân quân, tự vệ đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở các đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- Những người đã tham gia các đội vũ trang trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ đội hình, bảo vệ cầu đường, bến bãi, kho tàng, trạm trại, nhà máy và các cơ sở vật

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

chất trang bị kỹ thuật khác trên các trục đường giao thông, các địa bàn chiến lược (đường Trường Sơn, khu căn cứ…).

- Thành viên các đội công tác vũ trang do Đảng tổ chức bao gồm: Những tổ chức chuyên hoạt động xây dựng cơ sở chính trị, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp của địch, bảo vệ và hỗ trợ cho phong trào cách mạng của nhân dân ở các địa phương (kể cả đội viên thiếu niên tham gia các đội du kích trong các cuộc kháng chiến).

4. Công nhân và viên chức quốc phòng hoàn thành nhiệm vụ trong Quân đội:

- Công nhân viên quốc phòng đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu trong thời kỳ chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc (từ ngày 31/8/1989 về trước) ở: Cơ quan chỉ huy các cấp của Quân đội; các cơ sở sản xuất quốc phòng, binh trạm hậu cần, các đoàn vận tải quân sự; các bệnh viện, bệnh xá, đội phẫu của các đơn vị Quân đội; các cơ sở, lực lượng tham gia phục vụ, bảo đảm cho chỉ huy, chỉ đạo nhiệm vụ chiến đấu của Quân đội.

- Công nhân và viên chức quốc phòng (sau ngày 31/8/1989) hoàn thành nhiệm vụ trong Quân đội đã nghỉ hưu, mất sức.

5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ trong Quân đội đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu, thôi việc.

6. Hạ sĩ quan, binh sĩ sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự, *cụ thể là:*

- Hiện định cư tại xã, phường, đặc khu khu vực biên giới (Theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP, ngày 17/11/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia);

- Là người dân tộc thiểu số; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thời gian tại ngũ, hoặc sau khi xuất ngũ được cấp trung đoàn và tương đương hoặc ủy ban nhân dân cấp xã trở lên khen thưởng từ Giấy khen trở lên.

- Sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ phải được sắp xếp và tham gia huấn luyện ở đơn vị dự bị động viên, sau khi hết tuổi phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội (có quyết định giải ngạch, nam sau 45 tuổi, nữ sau 40 tuổi);

- Sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ được tuyển dụng vào các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp.

7. Những người nhập ngũ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989. Những quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo, làm nhiệm vụ quốc tế:

- Những người nhập ngũ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989.

- Những quân nhân có thời gian công tác từ 12 tháng trở lên ở các địa bàn biên giới, biển, đảo, (các xã, phường, đặc khu có một phần biên giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền theo quy định Điều 6, Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11)

- Những quân nhân tham gia Lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, làm nhiệm vụ quốc tế đã hoàn thành nhiệm vụ.

8. Những người được Bộ Quốc phòng đào tạo, phong quân hàm sĩ quan dự bị.

- Sĩ quan dự bị đã có thời gian phục vụ trong Quân đội

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Sĩ quan dự bị chưa có thời gian phục vụ trong Quân đội, bao gồm: Được xếp và tham gia huấn luyện ở đơn vị dự bị động viên và đã được giải ngạch dự bị; là cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp.

9. Cán bộ, nhân viên công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ do Bộ Quốc phòng quản lý, đã nghỉ hưu tại Ban Cơ yếu chính phủ, *cụ thể là*: Cán bộ, nhân viên công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ, hưởng lương hàm cơ yếu, hoặc chuyên môn kỹ thuật cơ yếu, đã nghỉ hưu tại Ban Cơ yếu Chính phủ.

*** Những vấn đề cần chú ý khi tổ chức Hội xem xét, kết nạp hội viên**

- Ngoài các thành phần cụ thể đã nêu, còn bao gồm các thành phần, lực lượng khác đã trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia cách mạng, làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong thời gian từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989, được công nhận là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; được khen thưởng các Huân, Huy chương vì có thành tích trong kháng chiến, chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc; được hưởng các chế độ chính sách khi tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu khác...

- Hội viên Cựu chiến binh được tuyển dụng vào Quân đội thì thôi là hội viên từ ngày có quyết định tuyển dụng; được bảo lưu thời gian là hội viên; khi nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành nếu làm đơn xin kết nạp, thì tổ chức Hội xem xét đề nghị kết nạp hội viên.

- Các đối tượng trên đây, qua thực tiễn tại địa phương, cơ quan, đơn vị vẫn giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ"; gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, cơ quan, đơn vị; hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với Nhân dân, được Cựu chiến binh và Nhân dân tín nhiệm. Tự nguyện thực hiện Điều lệ Hội, làm đơn xin vào Hội và báo cáo đầy đủ, trung thực với tổ chức Hội về lý lịch bản thân và gia đình.

- Đối với Cựu chiến binh là cán bộ cấp cao nghỉ hưu tại địa phương, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội chủ động gặp gỡ, trao đổi vận động các đồng chí tham gia Hội Cựu chiến binh; trường hợp đặc biệt liên quan đến công tác nhân sự cán bộ Hội các cấp, Trung ương Hội có chỉ đạo cụ thể.

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ trong Quân đội đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu, thôi việc, được tính từ ngày cấp có thẩm quyền ra quyết định không phải chờ đến khi nhận sổ hưu.

II. Trình tự các bước kết nạp hội viên (kể cả kết nạp lại)

- Người xin vào Hội làm đơn báo cáo phân hội, chi hội, tổ chức cơ sở hội (nơi có phân hội thì báo cáo phân hội, không có phân hội thì báo cáo chi hội, không có chi hội thì báo cáo tổ chức cơ sở hội). Tổ chức Hội xét đề nghị, kết nạp hội viên phải được sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số thành viên được triệu tập.

- Phân hội xét, đề nghị kết nạp hội viên

- Chi hội xét, đề nghị tổ chức cơ sở Hội kết nạp hội viên:

+ Nếu chi hội không có phân hội thì chi hội tổ chức hội nghị toàn thể hội viên xét đề nghị kết nạp hội viên.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Nếu chi hội có phân hội thì tổ chức hội nghị, thành phần gồm: Chi hội trưởng, chi hội phó, các phân hội trưởng, xét đề nghị kết nạp hội viên (nếu chi hội có ban chấp hành, thì do ban chấp hành xét đề nghị kết nạp hội viên)

- Tổ chức cơ sở hội xét, quyết định kết nạp hội viên:

+ Nếu tổ chức cơ sở hội có ban thường vụ, thì do ban thường vụ xét kết nạp hội viên

+ Nếu tổ chức cơ sở hội không có ban thường vụ thì do ban chấp hành xét kết nạp hội viên

+ Nếu tổ chức cơ sở hội không có ban chấp hành thì tổ chức hội nghị toàn thể hội viên xét kết nạp hội viên.

- Trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định kết nạp hội viên của cấp có thẩm quyền thì cấp chi hội, hoặc tổ chức cơ sở Hội phải tổ chức Lễ kết nạp hội viên mới theo quy định (Quá 30 ngày mà chưa tổ chức Lễ kết nạp được thì phải có lý do chính đáng và phải thông báo cho hội viên mới và báo cáo tổ chức Hội cấp trên)

- Lễ kết nạp hội viên được tổ chức riêng, gắn với các ngày Lễ kỷ niệm, các hoạt động chính trị lớn của Đảng, Nhà nước, Quân đội, địa phương và Hội; có thể kết hợp với sinh hoạt thường kỳ; bảo đảm trang trọng, nghiêm túc, đúng tính chất hoạt động của Hội Cựu chiến binh.

- Phân hội, chi hội, tổ chức cơ sở Hội tổ chức Lễ kết nạp hội viên mới, tiến hành các bước, như sau:

1) Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

2) Phân hội trưởng, chi hội trưởng (nơi không có chi hội, phân hội thì do chủ tịch hội cấp cơ sở): Đọc quyết định của Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền kết nạp hội viên mới; (khi kết nạp nhiều người, đọc quyết định kết nạp từng người một). Trao quyết định kết nạp, trao Thẻ hội viên và gắn Huy hiệu Cựu chiến binh cho hội viên mới; Giao nhiệm vụ cho hội viên; phổ biến nhiệm vụ, nội dung, thời gian, chế độ sinh hoạt của phân hội, chi hội; tình hình chi hội (phân hội) nơi hội viên mới về sinh hoạt.

3) Hội viên mới: Nhận quyết định kết nạp, Thẻ hội viên và Huy hiệu Cựu chiến binh; Phát biểu cảm tưởng, hứa hẹn (nếu tổ chức kết nạp nhiều người trong một buổi thì phân công đại diện hội viên mới phát biểu.

4) Đại diện lãnh đạo Ban Chấp hành tổ chức Hội cấp trên hoặc chi hội trưởng, phân hội trưởng phát biểu (nếu có).

5) Chào cờ, kết thúc Lễ kết nạp hội viên.

III. Một số vấn đề cụ thể về hội viên

1. Những người được kết nạp vào Hội trong thời kỳ thực hiện Điều lệ lâm thời từ tháng 02 năm 1990 đến tháng 12 năm 1992, nếu không xin ra khỏi Hội vẫn là hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Những trường hợp không kết nạp vào Hội: Những người đã được gặp gỡ, tuyên truyền, vận động đến ba lần mà không tự nguyện làm đơn xin vào Hội.

3. Kết nạp lại hội viên:

Người được xét kết nạp lại phải có đủ các điều kiện sau:

- Có đủ điều kiện và tiêu chuẩn được quy định tại Điều 5, Điều lệ Hội;

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Có thời gian ít nhất 12 tháng trở lên đối với những trường hợp bị xóa tên hoặc khai trừ ra khỏi Hội (riêng người bị án hình sự thì phải sau khi xóa án tích, áp dụng với cả người được kết nạp lần đầu) phải được sự đồng ý của ban thường vụ tổ chức Hội cấp trên trực tiếp bằng văn bản; ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền mới xem xét, ra quyết định kết nạp hội viên.

- Chỉ kết nạp lại một lần.

4. Những trường hợp không kết nạp lại vào Hội

Không xem xét, kết nạp lại các trường hợp: Làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo xin ra khỏi Hội; tự ý trả hoặc hủy Thẻ hội viên, Huy hiệu Cựu chiến binh; vi phạm kỷ luật bị khai trừ ra khỏi Hội vì gây mất đoàn kết nghiêm trọng.

5. Việc miễn công tác và sinh hoạt Hội của hội viên.

- Những hội viên được miễn công tác và sinh hoạt Hội trong thời gian 03 tháng trở lên, bao gồm: Những hội viên tuổi cao, sức khỏe yếu; hội viên bị bệnh hiểm nghèo, đi lại khó khăn; hội viên là thương binh, bệnh binh nặng hoặc hội viên thường xuyên phải đi làm ăn xa gia đình.

- Hội viên xin miễn công tác và sinh hoạt phải làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo với phân hội, chi hội, họp xem xét, khi được sự nhất trí của trên một phần hai số hội viên được triệu tập đề nghị; ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền kết nạp hội viên họp xem xét, quyết định bằng văn bản với sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên được triệu tập.

- Trong thời gian được miễn công tác và sinh hoạt Hội, hội viên phải tự giác giữ gìn phẩm chất, tư cách hội viên và đóng Hội phí theo quy định; định kỳ ba tháng hoặc khi hết thời gian được miễn sinh hoạt báo cáo tình hình với tổ chức Hội.

- Hội viên được miễn công tác và sinh hoạt Hội được dự đại hội toàn thể hội viên; được cung cấp thông tin theo quy định của Điều lệ Hội; được xét tặng Kỷ niệm chương của Hội khi đủ tiêu chuẩn; được miễn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hội viên trong thời gian được miễn công tác và sinh hoạt Hội.

6. Về xóa tên hội viên ra khỏi Hội

Phân hội, chi hội xem xét, đề nghị ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền quyết định kết nạp hội viên ra quyết định xóa tên hội viên ra khỏi Hội các trường hợp sau:

- Hội viên tự ý bỏ sinh hoạt, không tham gia công tác Hội, không đóng Hội phí liên tục 12 tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;

- Làm đơn xin ra khỏi Hội

- Tự ý trả hoặc hủy Thẻ hội viên, Huy hiệu Cựu chiến binh;

- Hội viên vi phạm kỷ luật, giảm sút ý chí phấn đấu, không thực hiện nhiệm vụ hội viên, đã được giáo dục, giúp đỡ nhưng sau 12 tháng không tiến bộ;

- Hội viên đã kết nạp nhưng qua kiểm tra, xác minh, kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Hội Cựu chiến binh.

Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền ra quyết định xóa tên hội viên ra khỏi Hội phải báo cáo cấp ủy cùng cấp, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

tiếp và thông báo đến toàn thể hội viên thuộc quyền biết (Quy trình thực hiện xóa tên hội viên như xem xét kết nạp hội viên).

7. Ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn tổ chức Hội cấp dưới thực hiện đúng quy định về việc kết nạp, kết nạp lại, miễn sinh hoạt và công tác cho hội viên, xóa tên hội viên... thuộc quyền.

IV. Về quản lý thẻ, hồ sơ hội viên và chuyển sinh hoạt cho hội viên

1. Phát và quản lý Thẻ hội viên:

- Phôi Thẻ hội viên do Ban Chấp hành Trung ương Hội phát hành trong toàn Hội. Khi có quyết định kết nạp hội viên, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội làm Thẻ cho hội viên theo mã số quy định, gửi ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp kiểm tra, đóng dấu.

- Khi tổ chức Lễ kết nạp hội viên mới chi hội trưởng, phân hội trưởng trao Thẻ hội viên và gắn Huy hiệu Cựu chiến binh cho hội viên.

- Hội viên chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng Thẻ hội viên khi chuyển sinh hoạt Hội viên; tổ chức đại hội, hội nghị, sinh hoạt thường kỳ của Hội Cựu chiến binh các cấp…

- Phân hội, chi hội kiểm tra việc quản lý, sử dụng Thẻ của hội viên thông qua sinh hoạt thường kỳ. Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội trở lên hằng quý, sáu tháng, một năm kiểm tra, nắm tình hình thực hiện công tác phát Thẻ và quản lý, sử dụng Thẻ hội viên của tổ chức Hội cấp dưới.

2. Hồ sơ hội viên:

- Hồ sơ hội viên gồm có: Sơ yếu lý lịch hội viên (theo mẫu của Trung ương Hội); đơn xin vào Hội, Quyết định kết nạp, Giấy giới thiệu sinh hoạt Hội gần nhất (nếu có).

- Tổ chức cơ sở Hội có trách nhiệm trực tiếp quản lý hồ sơ hội viên; khi có thay đổi kịp thời hướng dẫn, thực hiện việc bổ sung, quản lý hồ sơ theo quy định.

3. Chuyển sinh hoạt cho hội viên

- Khi hội viên chuyển nơi cư trú hoặc chuyển công tác đến nơi khác ngoài phạm vi quản lý của tổ chức cơ sở Hội thì phân hội, chi hội, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội làm thủ tục chuyển sinh hoạt cho hội viên.

- Hội viên báo cáo với phân hội, chi hội, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi đang sinh hoạt về lý do xin chuyển sinh hoạt và tổ chức cơ sở Hội sẽ chuyển đến.

- Phân hội, chi hội, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội hướng dẫn, làm thủ tục chuyển sinh hoạt cho hội viên (sử dụng Giấy giới thiệu sinh hoạt theo mẫu của Trung ương Hội), kèm theo Sơ yếu lý lịch và Giấy giới thiệu sinh hoạt gần nhất (nếu có). Hồ sơ được niêm phong, giao cho hội viên trực tiếp nhận và nộp cho ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi chuyển đến trong thời gian 30 ngày làm việc.

- Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi hội viên chuyển đến tiếp nhận, đăng ký vào danh sách hội viên và phân công về sinh hoạt ở chi hội, phân hội. Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi hội viên chuyển đi và tiếp nhận kịp thời báo cáo ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp biết.

- Khi chuyển giao, thành lập mới, sáp nhập, chia tách tổ chức Hội, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp của tổ chức Hội được chuyển đi có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt tập thể cho hội viên.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Thủ tục giới thiệu sinh hoạt tập thể gồm: Công văn giới thiệu về tổ chức Hội, danh sách hội viên, hồ sơ hội viên và các giấy tờ liên quan khác (nếu có). Ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp nơi có tổ chức Hội được chuyển đến có trách nhiệm làm thủ tục tiếp nhận tổ chức và sinh hoạt cho hội viên.

V. Về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

1. Về quy chế làm việc của ban chấp hành các cấp:

- Căn cứ vào Điều lệ Hội, Quy chế làm việc của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên, ban chấp hành tổ chức Hội từ cấp cơ sở trở lên xây dựng quy chế làm việc sát với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ. Ban chấp hành tổ chức Hội các cấp có trách nhiệm báo cáo với cấp trên trực tiếp và thông báo cho tổ chức hội, hội viên cấp dưới biết quy chế làm việc của cấp mình.

- Ban chấp hành cấp trên hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của ban chấp hành cấp dưới trực tiếp.

2. Nghị quyết của các tổ chức Hội chỉ có giá trị thi hành khi có trên một phần hai số thành viên được triệu tập của tổ chức đó tán thành; xét kết nạp, khai trừ hội viên và giải tán tổ chức Hội phải có ít nhất hai phần ba số thành viên được triệu tập tán thành, cụ thể như sau:

- Số thành viên của đại hội đại biểu là tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có đủ tư cách đại biểu dự đại hội (trừ số ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội không có đại biểu dự khuyết thay thế).

- Số thành viên của đại hội toàn thể hội viên, hội nghị toàn thể hội viên là tổng số hội viên của tổ chức hội được triệu tập, trừ số hội viên: Được miễn công tác và sinh hoạt Hội không có mặt dự đại hội (nếu hội viên đó có mặt dự đại hội, hội nghị, tham gia bầu cử, biểu quyết thì vẫn tính); số hội viên bị đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt ban chấp hành các cấp; bị khởi tố, truy tố, tạm giam; hội viên vắng mặt suốt thời gian đại hội, hội nghị có lý do chính đáng được ban chấp hành cấp triệu tập đại hội, hội nghị đồng ý.

- Số thành viên của hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra là tổng số ủy viên đương nhiệm được triệu tập; ở phân hội, chi hội, tổ chức cơ sở hội là tổng số hội viên (thành viên) hiện có được triệu tập (trừ số hội viên, ủy viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam).

3. Việc chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra ở những nơi thành lập mới, chia tách, sáp nhập trong nhiệm kỳ:

Ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên thống nhất với cấp ủy lãnh đạo trực tiếp, chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra; chỉ đạo ban chấp hành tổ chức Hội mới thành lập xác định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới hoặc ban chấp hành tổ chức Hội chia tách, hợp nhất, sáp nhập điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp với thời gian đại hội nhiệm kỳ của tổ chức Hội cấp trên trực tiếp; nhiệm kỳ đầu tiên của ban chấp hành các tổ chức Hội đó không nhất thiết phải là 05 năm.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Một số nội dung cụ thể về bầu cử thực hiện theo Quy định bầu cử trong Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

5. Tên gọi và cách tính nhiệm kỳ của các tổ chức Hội ở những nơi thành lập mới, chia tách, sáp nhập trong nhiệm kỳ:

- Những tổ chức Hội do chia tách, sáp nhập, tính số thứ tự nhiệm kỳ đại hội là số thứ tự đại hội qua các thời kỳ lịch sử (kể cả thời gian chia tách, sáp nhập) cộng thêm nhiệm kỳ hiện tại. Tổ chức Hội được thành lập mới thì tính theo nhiệm kỳ mới.

- Một tổ chức Hội được tách làm hai thì hai tổ chức Hội mới đều được tính nhiệm kỳ liên tiếp theo nhiệm kỳ của tổ chức Hội khi chưa tách.

- Một tổ chức Hội được thành lập mới từ nhiều tổ chức khác nhau thì tính nhiệm kỳ đầu tiên. Trường hợp đặc biệt phải tính khác thì báo cáo Thường trực Trung ương Hội xem xét, quyết định.

6. Ban chấp hành khóa mới nhận sự bàn giao từ ban chấp hành khóa trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu:

- Ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra, phó ban kiểm tra khóa mới có trách nhiệm điều hành các công việc của Hội, được ký các văn bản theo thẩm quyền ngay sau khi được đại hội, hội nghị bầu.

- Trường hợp chưa bầu được chức danh chủ tịch thì ban chấp hành ủy nhiệm cho một đồng chí phó chủ tịch đảm nhiệm quyền chủ tịch để điều hành công việc.

- Ban chấp hành khóa trước phải thực hiện bàn giao xong công việc cho ban chấp hành khóa mới trong vòng 15 ngày kể từ ngày đại hội kết thúc, không chờ quyết định chuẩn y của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp.

7. Tổ chức đại hội nhiệm kỳ, tổ chức các hội nghị của ban chấp hành và tổ chức cơ sở Hội thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

8. Việc bổ sung ủy viên ban chấp hành thiếu do ban chấp hành cấp đó đề nghị, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp ra quyết định.

- Khi cần bổ sung ủy viên ban chấp hành thiếu, ban chấp hành tổ chức hội nghị thảo luận, lấy phiếu tín nhiệm bằng phiếu kín, hoặc biểu quyết bằng sử dụng thẻ hội viên; khi được trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành được triệu tập nhất trí đề nghị (cả về số lượng và nhân sự cụ thể); Ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên trực tiếp xem xét, ra quyết định chỉ định bổ sung.

Việc bổ sung ủy viên ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch đang là ủy viên ban chấp hành cấp tỉnh trở xuống thực hiện theo quy trình: Ban chấp hành bằng lấy phiếu tín nhiệm hoặc biểu quyết bằng sử dụng thẻ hội viên các chức danh nêu trên, đề nghị ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Trường hợp chưa phải là ủy viên ban chấp hành thì thực hiện quy trình: Lấy phiếu tín nhiệm hoặc biểu quyết bằng sử dụng thẻ hội viên đề nghị kiện toàn ban chấp hành; sau đó thực hiện lấy phiếu tín nhiệm hoặc biểu quyết bằng sử dụng thẻ hội viên các chức danh ủy viên ban thường vụ, chủ tịch hoặc phó chủ tịch …; nếu được trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành được triệu tập nhất trí đề nghị; ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp xem xét, ra quyết định chỉ định.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Những trường hợp bổ sung ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ để giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch phải được cấp ủy lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Hội giới thiệu bằng văn bản.

- Việc kiện toàn, bổ sung ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra của Ban Chấp hành Trung ương Hội do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương thực hiện và có hiệu lực ngay sau khi Hội nghị biểu quyết thông qua kết quả bầu cử theo quy định.

9. Việc chỉ định bổ sung hoặc tăng thêm ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ khi cần thiết hoặc trường hợp đặc biệt:

- Trường hợp cần thiết:

+ Khi tổ chức Hội có sự phát triển mới về nhiệm vụ hoặc thay đổi về tổ chức, biên chế; được cấp ủy lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Hội nhất trí, ban chấp hành tổ chức Hội cấp dưới đề nghị ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên chỉ định tăng thêm một số ủy viên ban chấp hành, nhưng không vượt quá 20% so với số lượng ủy viên ban chấp hành mà đại hội đã quyết định.

Ban chấp hành tổ chức Hội cấp dưới tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm hoặc biểu quyết bằng sử dụng thẻ hội viên, khi được sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành được triệu tập (cả về số lượng và nhân sự); Ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên trực tiếp xem xét, ra quyết định chuẩn y, hoặc chỉ định với sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên được triệu tập.

+ Khi tổ chức đại hội nhiệm kỳ không bầu được chủ tịch, phó chủ tịch hoặc bầu thiếu quá một phần ba số lượng ủy viên do đại hội quyết định: Việc xem xét, chỉ định bổ sung phải được thực hiện từng bước đúng quy trình, bảo đảm nguyên tắc, chất lượng. Những trường hợp có số tín nhiệm không quá một phần hai số đại biểu hoặc hội viên được triệu tập, khi xem xét bổ sung cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ít nhất 12 tháng.

+ Căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ cụ thể, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trao đổi, thống nhất với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp và tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp làm thủ tục chuyển sinh hoạt cho hội viên từ tổ chức Hội khác đến và giới thiệu để đại hội (hội nghị) bầu hoặc ra quyết định chỉ định vào ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, trưởng ban kiểm tra của tổ chức Hội nơi chuyển đến.

- Trường hợp đặc biệt: Khi tổ chức Hội có sự phát triển mới về nhiệm vụ; thay đổi tổ chức, biên chế; cán bộ chủ trì thay đổi nhiều hoặc số lượng ủy viên ban chấp hành thiếu quá một phần ba; nhưng chưa có sự thống nhất về nhân sự giữa Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp với ban chấp hành tổ chức Hội cấp dưới hoặc trong nội bộ ban chấp hành tổ chức Hội. Để bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Hội, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trao đổi, thống nhất với thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Hội để ra quyết định chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp dưới trực tiếp.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Quyết định của ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên có thẩm quyền phải được sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số ủy viên được triệu tập.

10. Ủy viên ban chấp hành tổ chức Hội các cấp khi có quyết định nghỉ công tác Hội thì thôi tham gia ban chấp hành các cấp Hội.

- Ủy viên ban chấp hành được bầu theo cơ cấu ở khối đại diện (dân tộc, tôn giáo, văn, nghệ sĩ, doanh nghiệp doanh nhân…) không thuộc phạm vi điều chỉnh ở điểm này.

11. Cơ quan thường trực của tổ chức Hội:

Tổ chức Hội cấp tỉnh, thành phố và Trung ương Hội lập cơ quan thường trực; thành phần gồm có chủ tịch và các phó chủ tịch Hội cùng cấp.

Cơ quan thường trực có nhiệm vụ:

- Thay mặt ban chấp hành, ban thường vụ điều hành công việc thường xuyên của tổ chức Hội.
- Chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ và ban chấp hành (cả thường xuyên và đột xuất).
- Triệu tập các kỳ họp của ban thường vụ và ban chấp hành.
- Thay mặt ban chấp hành, ban thường vụ quan hệ với ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy cùng cấp, cấp ủy cấp dưới; với tổ chức hội cấp trên và cấp dưới; với các cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

VI. Về tổ chức cơ sở Hội

1. Ở xã, phường, đặc khu, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nếu có 05 hội viên trở lên, được cấp ủy và thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cùng cấp nhất trí, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp ra quyết định thành lập tổ chức cơ sở Hội.

2. Ở doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế chưa có tổ chức đảng thì ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp ở địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở làm việc xem xét nguyện vọng của Cựu chiến binh, nếu có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Hội thì phối hợp tổ chức đảng và doanh nghiệp để xem xét, quyết định thành lập tổ chức Hội phù hợp với quy mô tổ chức của doanh nghiệp.

3. Ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp không đủ số lượng hội viên để thành lập tổ chức cơ sở Hội, căn cứ vào nguyện vọng của Cựu chiến binh và địa bàn hoạt động, nếu được sự đồng ý của cấp ủy các cơ quan, đơn vị thì tổ chức Hội cấp trên trực tiếp ra quyết định thành lập tổ chức cơ sở Hội liên cơ quan, đơn vị, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cơ quan, đơn vị nơi có nhiều hội viên.

4. Tổ chức cơ sở Hội có dưới 12 hội viên bầu chủ tịch và một phó chủ tịch. Tổ chức cơ sở Hội có 12 đến 30 hội viên, bầu ban chấp hành có số lượng không quá 03 ủy viên; tổ chức cơ sở Hội có 31 đến 100 hội viên bầu ban chấp hành có số lượng 05 đến 07 ủy viên; phân công một ủy viên ban chấp hành phụ trách công tác kiểm tra, giám sát;

- Tổ chức cơ sở Hội có trên 100 hội viên bầu ban chấp hành có số lượng 09 đến 15 ủy viên; tổ chức cơ sở Hội có nhiều chi hội, hội viên đông thì số lượng ủy viên ban chấp hành có thể nhiều hơn, nhưng không vượt quá số lượng cấp ủy cấp xã ở địa phương. Ban chấp hành bầu ban thường vụ có số lượng không quá một phần ba số ủy viên ban chấp

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

hành; bầu chủ tịch, phó chủ tịch; bầu ban kiểm tra có số lượng 03 đến 05 ủy viên, bầu 01 ủy viên ban thường vụ làm trưởng ban kiểm tra.

- Tổ chức cơ sở Hội có trên 30 hội viên, hoặc dưới 30 hội viên nhưng địa bàn hoạt động rộng, phân tán, tính chất nhiệm vụ phức tạp, có thể thành lập các chi hội. Việc bầu kiện toàn chi hội trưởng, chi hội phó được tiến hành trong hội nghị sinh hoạt thường kỳ của chi hội.

5. Chi hội có trên 30 hội viên, hoặc dưới 30 hội viên nhưng địa bàn hoạt động rộng, phân tán, tính chất nhiệm vụ phức tạp…thì tổ chức các phân hội gắn với địa bàn khu dân cư hoặc nhiệm vụ chuyên môn của cục, vụ, phòng, khoa, ban, phân xưởng, đơn vị sản xuất… của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp; việc bầu cử, kiện toàn phân hội trưởng, phân hội phó (nếu có) được tiến hành trong hội nghị sinh hoạt thường kỳ của phân hội (nên phân công chi hội phó kiêm phân hội trưởng).

Chi hội bầu chi hội trưởng, chi hội phó; phân hội bầu phân hội trưởng, phân hội phó. Chi hội, phân hội sinh hoạt thường kỳ từ một đến ba tháng một lần, họp bất thường khi cần; tập trung bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc; chi ủy, chi bộ và ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp; quản lý, giáo dục, rèn luyện, giúp đỡ hội viên; thu, nộp hội phí.

6. Về kiện toàn chi hội ở những cơ quan, đơn vị không có đủ số lượng hội viên.

Ở những nơi chi hội không đủ số lượng hội viên để duy trì hoạt động theo quy định, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội chủ động thống nhất với thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy, chi bộ nơi có chi hội và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp; khi được cấp ủy đồng ý, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội ra quyết định điều chuyển, sáp nhập hoặc thành lập mới chi hội theo mô hình liên thôn, liên bản, liên cơ quan… đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, chi bộ được ủy quyền.

7. Thường trực Trung ương Hội hướng dẫn thí điểm cho chi hội tổ chức Đại hội và bầu ban chấp hành; sau 01 năm rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung.

VII. Trình tự các bước thành lập mới, kiện toàn tổ chức Hội ở những nơi có sự điều chỉnh, thay đổi về tổ chức, biên chế, địa giới hành chính, địa bàn hoạt động

1. Trình tự các bước thành lập mới tổ chức Hội

- Quán triệt chủ trương của thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp, chỉ đạo cơ quan chức năng:

+ Nghiên cứu, nắm chắc Điều lệ Hội, các quy định, hướng dẫn của Trung ương Hội;

+ Khảo sát nắm chắc tình hình số lượng, chất lượng, tâm tư nguyện vọng của Cựu chiến binh, Cựu quân nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để xem xét, kết nạp vào Hội trong cơ quan, đơn vị;

+ Đề xuất với cấp ủy ra quyết định thành lập Ban chuẩn bị thành lập Hội có số lượng từ ba đến năm người.

- Ban chuẩn bị thành lập Hội:

+ Xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, giáo dục thống nhất nhận thức, trách nhiệm của Cựu chiến binh, Cựu quân nhân;

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Lập danh sách hội viên lần đầu, dự kiến cơ cấu tổ chức Hội, nhân sự ban chấp hành, chuẩn bị nội dung, chương trình lễ ra mắt tổ chức Hội;

+ Báo cáo kết quả chuẩn bị với cấp ủy, chi bộ và thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

+ Làm tờ trình đề nghị ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp ra quyết định thành lập Hội;

+ Khi có quyết định thành lập Hội của tổ chức Hội cấp trên, Ban chuẩn bị thành lập Hội tổ chức Lễ công bố quyết định thành lập Hội bảo đảm trang trọng, nghiêm túc, thiết thực, đúng tính chất hoạt động của Hội.

- Lễ công bố quyết định thành lập Hội thực hiện các nội dung:

+ Thành phần hội nghị toàn thể hội viên, một số cựu quân nhân ở cơ quan, đơn vị và mời đại biểu ban chấp hành cấp trên, đại biểu thường trực Mặt trận Tổ quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy cơ quan, đơn vị.

+ Chào cờ (hát quốc ca);

+ Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;

+ Đại diện tổ chức Hội cấp trên đọc quyết định thành lập Hội, chỉ định ban chấp hành khóa mới.

+ Ban chấp hành khóa mới báo cáo tóm tắt quá trình chuẩn bị thành lập Hội; tình hình số lượng, chất lượng Cựu chiến binh, Cựu quân nhân; công bố danh sách hội viên đợt đầu; nội dung chương trình hoạt động của Hội đến thời gian tổ chức đại hội nhiệm kỳ lần thứ nhất.

+ Trao huy hiệu Cựu chiến binh và Thẻ hội viên cho hội viên đợt đầu;

+ Đại diện cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát biểu;

+ Đại diện hội viên Cựu chiến binh đợt đầu phát biểu;

+ Đại diện Ban chấp hành mới đáp từ, kết luận;

+ Bế mạc, chào cờ (hát quốc ca).

2. Kiện toàn tổ chức Hội ở cơ quan, đơn vị có sự điều chỉnh, thay đổi về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ, địa giới hành chính, địa bàn hoạt động.

- Ban chấp hành tổ chức Hội nơi chuyển giao và tiếp nhận rà soát nhiệm vụ theo kế hoạch; tổng hợp, đánh giá thực trạng tình hình tổ chức Hội, hội viên hiện có; xác định chủ trương, biện pháp, kế hoạch thực hiện.

- Hoàn thiện công tác chuẩn bị:

+ Lập danh sách, tổng hợp số lượng, chất lượng hội viên, tổ chức Hội, ban chấp hành các cấp; tổng hợp hồ sơ, tài liệu, cơ sở vật chất, trang bị, con dấu, hội phí, kinh phí; chuẩn bị biên bản bàn giao, tiếp nhận; dự kiến nội dung, phương pháp, thời gian bàn giao, tiếp nhận; nắm tâm tư, nguyện vọng cán bộ, hội viên; tổng hợp kiến nghị, đề nghị (nếu có).

+ Báo cáo ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp và ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên.

- Ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên trực tiếp: Trên cơ sở báo cáo, đề nghị của các tổ chức Hội chuyển giao và tiếp nhận, thống nhất phương án tiếp nhận, bàn giao; nội dung, thời gian, địa điểm thực hiện cụ thể; củng cố, kiện toàn các tổ chức

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Hội, chỉ định bổ sung nhân sự ban chấp hành; xây dựng hoặc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ của tổ chức Hội sau kiện toàn theo nhiệm kỳ tổ chức Hội cấp trên trực tiếp.

Sau khi trao đổi, thống nhất với thường trực mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Hội nơi chuyển giao, tiếp nhận và báo cáo xin ý kiến của cấp ủy cùng cấp, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên ra quyết định chuyển giao, sát nhập, chỉ đạo các tổ chức Hội cấp dưới thực hiện theo kế hoạch.

- Ban chấp hành tổ chức Hội nơi tiếp nhận: Tiếp nhận tổ chức Hội, hội viên theo quy định; kiện toàn tổ chức và giới thiệu hội viên về sinh hoạt tại các phân hội, chi hội, tổ chức cơ sở Hội trực thuộc; kiện toàn, bổ sung ban chấp hành Hội các cấp và ban kiểm tra (nếu có) theo yêu cầu nhiệm vụ; xây dựng hoặc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ của các tổ chức Hội sau điều chỉnh, sát nhập theo nhiệm kỳ đại hội của tổ chức Hội cấp trên trực tiếp.

- Việc kiện toàn, bổ sung ban chấp hành tổ chức Hội sau khi tiếp nhận về cơ bản giữ nguyên số lượng, nhân sự ban chấp hành tổ chức Hội nơi tiếp nhận; chỉ định bổ sung một số nhân sự chủ chốt của ban chấp hành tổ chức Hội chuyển đến bảo đảm số lượng ủy viên ban chấp hành sau kiện toàn có thể tăng thêm nhưng không vượt quá 20% so với số lượng đại hội đã quyết định.

- Ban chấp hành tổ chức Hội nơi chuyển giao và tiếp nhận chủ động báo cáo xin ý kiến thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp và phối hợp với các cơ quan chức năng làm tốt công tác tư tưởng, tổ chức và chính sách với cán bộ, hội viên, nhất là cán bộ chủ trì không tiếp tục tham gia ban chấp hành mới.

3. Khi có sự thay đổi về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ hoặc khi tổ chức cơ sở Hội không còn đủ số lượng hội viên để tổ chức hoạt động Hội theo quy định, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trao đổi, thống nhất với thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp tổ chức Hội cấp dưới, ra quyết định kết thúc hoạt động của tổ chức Hội đó, thu hồi hồ sơ, con dấu (nếu có) và làm thủ tục chuyển sinh hoạt cho hội viên về một tổ chức cơ sở Hội có nhiệm vụ hoặc địa bàn thuận lợi nhất. Tổng hợp báo cáo ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên và Trung ương Hội.

4. Với các tổ chức Hội thực hiện sáp nhập, chia tách

Căn cứ vào Điều lệ Hội, đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của địa phương, Hội Cựu chiến binh xây dựng đề án sắp xếp tổ chức, biên chế của Hội báo cáo cấp ủy cùng cấp và tổ chức Hội cấp trên xem xét, quyết định.

Với những nơi chưa tổ chức đại hội, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên chỉ đạo tổ chức Hội cấp dưới làm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội theo quy định.

- Nội dung đại hội tập trung:

+ Kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ qua; xác định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của tổ chức Hội sau sáp nhập, chia tách (theo nhiệm kỳ của tổ chức Hội cấp trên trực tiếp).

+ Bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra (nếu có) nhiệm kỳ mới.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Các phân hội, chi hội trực thuộc tổ chức hội nghị toàn thể hội viên quán triệt nghị quyết đại hội tổ chức Hội cấp trên; bàn biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu phân hội trưởng, phân hội phó; chi hội trưởng, chi hội phó theo quy định.

VIII. Về tổ chức đại hội nhiệm kỳ Hội Cựu chiến binh các cấp

1. Nhiệm vụ của ban chấp hành triệu tập đại hội:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức đại hội, các báo cáo, văn kiện; chuẩn bị đề án nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra, phó trưởng ban kiểm tra và đại biểu dự đại hội cấp trên; báo cáo thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy cùng cấp, ban thường vụ tổ chức Hội cấp trên trực tiếp và đại hội cấp mình theo quy định.

- Tiếp nhận đơn ứng cử vào ban chấp hành của hội viên không phải là đại biểu dự đại hội;

- Quyết định và thông báo cho tổ chức Hội cấp dưới biết về thời gian khai mạc đại hội trước 30 ngày làm việc. Thông báo số lượng đại biểu được triệu tập và phân bổ đại biểu cho các tổ chức Hội trực thuộc. Chỉ đạo, hướng dẫn việc bầu cử đại biểu của các tổ chức Hội trực thuộc; chỉ định bổ sung đại biểu (nếu có).

- Cung cấp cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu;

- Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch đại hội để trả lời các vấn đề do đại biểu đại hội yêu cầu;

- Chỉ đạo các mặt công tác thường xuyên của Hội đến khi bầu được ban chấp hành khóa mới;

- Chuẩn bị các nội dung cho ban chấp hành khóa mới tổ chức hội nghị phiên thứ nhất để bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra; tổ chức hội nghị ban kiểm tra bầu phó ban kiểm tra.

2. Về đại biểu dự đại hội các cấp

- Số lượng đại biểu dự đại hội ở từng cấp do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội. Căn cứ vào số lượng hội viên, số lượng tổ chức Hội trực thuộc và vị trí quan trọng của từng tổ chức Hội, ban chấp hành triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các tổ chức Hội trực thuộc. Chỉ phân bổ đại biểu chính thức. Bầu đại biểu dự khuyết hay không bầu đại biểu dự khuyết do đại hội quyết định.

3. Về chỉ định đại biểu dự đại hội

- Việc chỉ định đại biểu được thực hiện đối với tổ chức Hội có lý do chính đáng không tổ chức được đại hội hoặc ở các cơ quan, đơn vị không có tổ chức Hội Cựu chiến binh và phải được ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên đồng ý. Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh nơi tổ chức đại hội đại biểu, khi cần thiết được chỉ định một số đại biểu dự đại hội cấp mình; số lượng đại biểu được chỉ định nằm trong tổng số đại biểu được triệu tập và không vượt quá 5% tổng số đại biểu được triệu tập.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp triệu tập đại hội quyết định và phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội xem xét và báo cáo đại hội thông qua.

- Sau khi trúng cử, đại biểu chính thức chuyển sinh hoạt đến tổ chức Hội mới, nhưng tổ chức Hội mới đó vẫn trực thuộc tổ chức Hội triệu tập đại hội thì đại biểu đó vẫn được triệu tập đến dự đại hội; tổ chức Hội nơi có đại biểu chính thức chuyển đi không được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

Nếu đại biểu đó chuyển đến tổ chức Hội mới, mà tổ chức Hội mới đó không trực thuộc tổ chức Hội triệu tập đại hội, thì tổ chức Hội có đại biểu chuyển đi được quyền chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức để thay thế.

- Trường hợp đại biểu chính thức xin rút khỏi danh sách đại biểu, được ban chấp hành cấp triệu tập đại hội đồng ý, thì tổ chức Hội có đại biểu xin rút cử đại biểu dự khuyết thay thế.

Trường hợp đại hội cấp dưới bầu không đủ số lượng đại biểu chính thức được phân bổ, tổ chức Hội đó không được cử đại biểu dự khuyết thay thế số đại biểu chính thức do đại hội không bầu đủ.

- Ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức bị bác tư cách thì không cử đại biểu dự khuyết thay thế.

- Đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội mà không có đại biểu dự khuyết thay thế thì không tính vào tổng số đại biểu được triệu tập khi tính kết quả bầu cử.

- Trường hợp đại hội đã bầu xong đại biểu lại có quyết định chia tách tổ chức Hội đó thành một số tổ chức Hội mới, ban chấp hành cấp triệu tập đại hội có thể chỉ định bổ sung một số đại biểu cho các tổ chức Hội mới đó.

- Trường hợp tổ chức Hội đã tổ chức đại hội và bầu đại biểu dự đại hội cấp trên, nhưng do yêu cầu chia tách, tổ chức Hội đó được chuyển về một tổ chức Hội mới và tổ chức Hội mới đó chưa tiến hành đại hội, thì ban chấp hành cấp triệu tập đại hội có trách nhiệm triệu tập số đại biểu của tổ chức Hội mới chuyển về và tính vào tổng số đại biểu được triệu tập của đại hội cấp mình.

IX. Nhiệm vụ của các cơ quan điều hành và giúp việc đại hội

1. Đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội

Là cơ quan điều hành công việc của đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Ban chấp hành triệu tập đại hội đề xuất, đại hội thảo luận, biểu quyết về số lượng và nhân sự đoàn chủ tịch (chủ tịch) đại hội.

Nhiệm vụ của đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội:

- Điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc được đại hội biểu quyết thông qua; phân công các thành viên điều hành từng nội dung, chương trình các phiên họp của đại hội; chuẩn bị nội dung để đại hội thảo luận, biểu quyết; chuẩn bị ý kiến giải trình các vấn đề đại biểu còn có ý kiến khác nhau; lãnh đạo điều hành các hoạt động của đại hội;

- Điều hành bầu cử theo Quy định

2. Đoàn thư ký đại hội

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Là cơ quan giúp việc đại hội, gồm một số đại biểu chính thức của đại hội đại biểu, hoặc một số hội viên của đại hội toàn thể hội viên. Ban chấp hành triệu tập đại hội đề xuất, đại hội thảo luận, biểu quyết về số lượng, nhân sự đoàn thư ký, trưởng đoàn thư ký.

Đoàn thư ký có nhiệm vụ:

- Ghi biên bản, tổng hợp đầy đủ, trung thực ý kiến của các đại biểu tại đại hội và các phiên làm việc tại các đoàn đại biểu; giúp đoàn chủ tịch chuẩn bị các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội và thông báo của đoàn chủ tịch gửi tới các đoàn đại biểu.

- Thu nhận, bảo quản hồ sơ, tài liệu sau khi đại hội kết thúc và giúp đoàn chủ tịch giao cho ban chấp hành khóa mới.

3. Ban thẩm tra tư cách đại biểu

Là cơ quan giúp việc đại hội, gồm một số đại biểu chính thức của đại hội am hiểu về công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra. Ban chấp hành triệu tập đại hội đề xuất, đại hội thảo luận, biểu quyết về số lượng và nhân sự ban thẩm tra tư cách đại biểu.

Đại hội toàn thể hội viên không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban chấp hành triệu tập đại hội báo cáo với đại hội tình hình và chất lượng hội viên dự đại hội.

Ban thẩm tra tư cách đại biểu có nhiệm vụ:

- Xem xét, báo cáo với đại hội về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu; kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

- Xem xét, kết luận đơn, thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu do ban chấp hành các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch, trình đại hội xem xét, quyết định về những trường hợp không đủ tư cách đại biểu, những trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu; việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức đã được triệu tập.

4. Ban kiểm phiếu

Là cơ quan giúp việc đại hội, gồm một số đại biểu chính thức dự đại hội đại biểu, (hoặc một số hội viên dự đại hội toàn thể hội viên) không có tên trong danh sách bầu cử tại đại hội. đoàn chủ tịch (chủ tịch) đại hội đề xuất, đại hội thảo luận, biểu quyết về số lượng và nhân sự ban kiểm phiếu, trưởng ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ theo điều hành của đoàn chủ tịch đại hội.

X. Quy trình tổ chức đại hội

Đại hội Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, cấp xã tiến hành hai phiên:

** Phiên thứ nhất; Ban chấp hành triệu tập đại hội thực hiện các nội dung sau:*

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;
2. Thông qua chương trình phiên thứ nhất;
3. Quán triệt mục đích, yêu cầu đại hội;
4. Bầu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu dự đại hội.
5. Thông qua quy chế, chương trình làm việc của đại hội

- Đoàn chủ tịch Đại hội lên điều hành thực hiện các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả tham gia và tiếp thu ý kiến của đại hội cấp dưới vào báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành cấp triệu tập đại hội; Hướng dẫn thảo luận văn kiện cấp mình;

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Báo cáo kết quả tham gia ý kiến của đại hội cấp dưới vào báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành cấp trên; Hướng dẫn thảo luận văn kiện cấp trên;

3. Báo cáo kết quả tham gia ý kiến của Đại hội cấp dưới vào dự thảo Báo cáo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội của Ban Chấp hành Trung ương Hội; hướng dẫn thảo luận sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội;

4. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu dự đại hội;

5. Báo cáo đề án nhân sự ban chấp hành khóa mới và đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị;

- Biểu quyết số lượng ban chấp hành khóa mới; số lượng đại biểu dự khuyết của đại hội (nếu có).

- Báo cáo danh sách nhân sự ban chấp hành khóa mới và danh sách đại biểu dự đại hội cấp trên do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị để đại biểu tham khảo;

-Thực hiện việc ứng cử, đề cử vào danh sách bầu cử ban chấp hành khóa mới và bầu đại biểu dự đại hội cấp trên trong đại hội hoặc tại các đoàn.

6. Phổ biến quy định chung, phân công các đoàn đại biểu;

Phiên thứ hai.

1. Chào cờ, hát quốc ca;

2. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. Báo cáo kết quả đại hội phiên thứ nhất, mời đoàn chủ tịch, đoàn thư ký lên làm việc;

3. Khai mạc đại hội;

4. Trình bày báo cáo chính trị và báo cáo tự kiểm điểm của ban chấp hành triệu tập đại hội; điều hành đại hội thảo luận;

5. Đại biểu cấp trên phát biểu (đại biểu tổ chức Hội cấp trên và cấp ủy lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Hội);

6. Báo cáo tổng hợp kết quả ứng cử, đề cử nhân sự bầu ban chấp hành khóa mới và đại biểu đi dự đại hội cấp trên. Biểu quyết danh sách bầu cử ban chấp hành khóa mới và đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

- Bầu Ban kiểm phiếu (số lượng, nhân sự cụ thể);

- Điều hành bầu cử ban chấp hành khóa mới;

7. Đại hội thảo luận văn kiện cấp mình;

8. Báo cáo kết quả bầu cử ban chấp hành khóa mới;

9. Điều hành bầu cử đại biểu dự đại hội cấp trên; báo cáo kết quả bầu cử đại biểu;

10. Ban chấp hành khóa mới họp phiên thứ nhất bầu: Ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra. Với tổ chức Hội cấp tỉnh, thành phố trở lên, căn cứ vào tình hình cụ thể tổ chức hội nghị ban kiểm tra phiên thứ nhất bầu phó trưởng ban kiểm tra;

11. Thảo luận và kết luận thông qua văn kiện cấp mình;

12. Thảo luận và kết luận tham gia ý kiến vào báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên;

13. Thảo luận và kết luận tham gia ý kiến vào sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội;

14. Báo cáo kết quả hội nghị lần thứ nhất của ban chấp hành khóa mới;

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

15. Ban chấp hành khóa mới và đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên ra mắt đại hội;

16. Thông qua nghị quyết đại hội;

17. Bế mạc đại hội;

18. Chào cờ (hát quốc ca).

* Tổ chức cơ sở Hội có trên 100 hội viên hoặc dưới 100 hội viên, nhưng tính chất, nhiệm vụ, địa bàn hoạt động phân tán, khi được sự đồng ý của thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo trực tiếp và ban chấp hành tổ chức hội cấp trên trực tiếp, tổ chức đại hội đại biểu có thể vận dụng thực hiện hai phiên. Chương trình của Đại hội có thể được thay đổi một số nội dung chủ yếu cho phù hợp.

XI. Báo cáo kết quả đại hội; chuẩn y kết quả bầu cử

1. Báo cáo kết quả đại hội:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày bế mạc đại hội, ban chấp hành khóa mới phải báo cáo lên tổ chức Hội cấp trên trực tiếp các biên bản bầu cử: ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra, đại biểu dự đại hội cấp trên, kèm danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên theo hướng dẫn của Trung ương Hội.

2. Chuẩn y kết quả bầu cử theo quy định.

XII. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Công tác kiểm tra, giám sát của ban chấp hành:

Ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực các cấp Hội trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát hội viên, tổ chức Hội cấp mình. Tổ chức Hội và hội viên chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức Hội. Cụ thể:

- Ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên tiến hành công tác kiểm tra, giám sát tổ chức Hội cấp dưới và hội viên. Tổ chức Hội cấp dưới và hội viên chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức Hội cấp trên.

- Ban chấp hành (ban thường vụ, thường trực) có trách nhiệm xây dựng, kiện toàn ban kiểm tra và cán bộ làm công tác kiểm tra cấp mình; xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của ban kiểm tra cấp mình và cấp dưới trực tiếp.

- Nội dung kiểm tra, giám sát với tổ chức Hội: Kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chương trình, chủ trương của Mặt trận Tổ quốc; Điều lệ Hội; thực hiện nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Hội; thực hiện nghị quyết của tổ chức Hội cấp trên, cấp mình; thực hiện quy chế làm việc, chương trình, kế hoạch công tác toàn khóa và hằng năm của ban chấp hành tổ chức Hội.

- Nội dung kiểm tra, giám sát đối với hội viên (kể cả ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban kiểm tra các cấp) chấp hành Điều lệ Hội; thực hiện nhiệm vụ hội viên; tu dưỡng, rèn luyện, đạo đức, lối sống; giữ gìn, phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ"; gương mẫu trong chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chương trình, chủ trương của Mặt trận Tổ quốc; nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

2. Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm tra các cấp:

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban kiểm tra cấp trên hướng dẫn tổ chức Hội và ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Hội, đồng thời:

- Kiểm tra tổ chức Hội cấp dưới, hội viên (kể cả ủy viên ban chấp hành cùng cấp) khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật của tổ chức Hội cấp dưới.

- Kiểm tra việc thu, nộp, quản lý và sử dụng Hội phí.

- Giám sát tổ chức Hội, trước hết là ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp.

- Giám sát ủy viên ban chấp hành tổ chức Hội cùng cấp kể cả chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thường vụ và cán bộ của cơ quan tổ chức Hội cùng cấp.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức Hội và hội viên:

a. Về giải quyết khiếu nại:

- Tổ chức Hội các cấp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của tổ chức Hội và hội viên đối với các quyết định của tổ chức Hội có thẩm quyền về: Thi hành kỷ luật; kết nạp hội viên; xóa tên hội viên; đình chỉ sinh hoạt đối với hội viên, ủy viên ban chấp hành; quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức Hội có thẩm quyền. Việc khiếu nại được thể hiện bằng đơn do người khiếu nại trực tiếp ký tên.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định kỷ luật, xóa tên hội viên, đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt ban chấp hành và quyết định giải quyết khiếu nại của cấp có thẩm quyền; tổ chức Hội, hội viên có quyền khiếu nại với ban chấp hành tổ chức Hội ra quyết định để được giải quyết. Nếu không nhất trí với quyết định giải quyết của cấp Hội có thẩm quyền thì được khiếu nại tới tổ chức Hội cấp trên trực tiếp, lần lượt cho đến Thường trực Trung ương Hội. Quyết định giải quyết khiếu nại của Thường trực Trung ương Hội là quyết định cuối cùng.

- Ban Kiểm tra có trách nhiệm nghiên cứu, thẩm tra, xác minh, kết luận, báo cáo với ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực tổ chức Hội cùng cấp để ra quyết định giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền.

- Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội; ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra tổ chức Hội cấp tỉnh, thành phố trở lên là các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trong Hội theo phạm vi nhiệm vụ được giao.

- Thời hạn giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại: Không quá 60 ngày làm việc đối với cấp cơ sở; không quá 90 ngày làm việc đối với cấp tỉnh, thành phố; không quá 180 ngày đối với cấp Trung ương kể từ ngày nhận được khiếu nại.

- Không giải quyết những trường hợp khiếu nại: Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hội viên, tổ chức Hội nhận được quyết định kỷ luật, quyết định xóa tên hội viên, quyết định đình chỉ sinh hoạt Hội và sinh hoạt ban chấp hành, quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức Hội có thẩm quyền; khiếu nại đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, giải quyết; cá nhân hoặc tập thể khiếu nại hộ.

- Đối với các đơn khiếu nại khác không liên quan đến tổ chức Hội và hội viên thì tổ chức Hội chuyển cho các cơ quan có liên quan giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

b. Về giải quyết tố cáo:

- Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội; ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra tổ chức Hội cấp tỉnh, thành phố trở lên là các cấp có nhiệm vụ giải quyết tố cáo của hội viên và nhân dân về những vấn đề có liên quan đến tổ chức Hội và hội viên theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, hội viên.

- Nội dung tố cáo của hội viên phải đúng sự thật; ghi rõ họ, tên, địa chỉ và cung cấp những chứng cứ để chứng minh và phải chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo trước pháp luật, quy định của Hội. Tổ chức Hội các cấp phải hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng các quy định của Đảng, Nhà nước và của Hội về tố cáo; phải giữ bí mật cho người tố cáo và giải quyết dứt điểm, kịp thời (trong phạm vi quyền hạn của mình) các vụ việc tố cáo liên quan đến tổ chức Hội và hội viên của cấp mình.

- Tổ chức Hội và hội viên bị tố cáo phải báo cáo đầy đủ, trung thực những vấn đề bị tố cáo với tổ chức Hội có thẩm quyền, được nêu lên những bằng chứng để chứng minh khi cho rằng nội dung tố cáo là sai sự thật.

- Không xem xét, giải quyết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ hoặc tố cáo không có nội dung cụ thể, không có cơ sở để thẩm tra, xác minh; tố cáo các vụ việc đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận, nay lại tố cáo nhưng không cung cấp được thông tin, tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ việc; đơn tố cáo không phải người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo đã được cấp Hội có thẩm quyền xem xét, giải quyết cuối cùng theo quy định.

XIII. Khen thưởng tổ chức Hội và hội viên

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, ban chấp hành tổ chức Hội các cấp xem xét, quyết định khen thưởng đối với tổ chức Hội và hội viên trực thuộc theo thẩm quyền:

1.Tổ chức Hội và hội viên có thành tích được các cấp Hội xem xét khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

2. Hình thức khen thưởng:

- Đối với tổ chức Hội: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, cờ thi đua, huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

- Đối với hội viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

3. Thẩm quyền khen thưởng:

- Tổ chức cơ sở Hội: Biểu dương và tặng giấy khen cho chi hội, hội viên.

- Cấp tỉnh, thành phố: Tặng bằng khen cho tổ chức Hội và hội viên.

- Trung ương Hội: Tặng bằng khen, cờ thi đua cho tổ chức Hội; tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam cho hội viên.

Cơ quan Trung ương Hội, tham mưu, đề xuất Ban Chấp hành Trung ương Hội hướng dẫn thực hiện công tác Thi đua, khen thưởng trong Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

XIV. Kỷ luật đối với hội viên và tổ chức Hội

1. Hội viên và tổ chức Hội vi phạm quy định Điều lệ Hội, nghị quyết của Hội, làm tổn hại đến uy tín và tài sản của Hội thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả mà áp dụng các hình thức kỷ luật sau đây:

2. Đối với hội viên: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.

- Việc thi hành kỷ luật hội viên với hình thức khiển trách, cảnh cáo phải được phân hội, chi hội thảo luận và đề nghị với sự nhất trí của trên một phần hai số hội viên (thành viên) được triệu tập; ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội xem xét, quyết định với sự đồng ý của trên một phần hai số ủy viên được triệu tập.

- Với hình thức khai trừ ra khỏi Hội phải được phân hội, chi hội thảo luận, đề nghị với sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số thành viên được triệu tập; ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền kết nạp, xem xét, quyết định kỷ luật với sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số ủy viên được triệu tập.

(Nếu chi hội không có phân hội thì tổ chức hội nghị toàn thể hội viên xét đề nghị kỷ luật; nếu chi hội có phân hội thì tổ chức hội nghị, thành phần gồm: Chi hội trưởng, chi hội phó, các phân hội trưởng, xét đề nghị kỷ luật)

Nơi không có chi hội, tổ chức cơ sở Hội tổ chức hội nghị toàn thể hội viên xem xét, quyết định thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo hội viên, với sự nhất trí của ít nhất trên một phần hai số hội viên được triệu tập; quyết định hình thức khai trừ hội viên phải được ít nhất hai phần ba số hội viên nhất trí.

- Hội viên vi phạm nhưng đang mắc bệnh hiểm nghèo, đang nằm điều trị tại bệnh viện, đang mang thai, đang nghỉ thai sản thì chưa xem xét thi hành kỷ luật.

- Khi hội viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị xét xử, nếu tổ chức Hội có thẩm quyền kết luận rõ hội viên đó vi phạm đến mức phải kỷ luật thì chủ động xem xét, thi hành kỷ luật theo quy định, không nhất thiết phải chờ kết luận của cơ quan Điều tra, cáo trạng của Viện kiểm sát hoặc bản án của Tòa án. Sau khi có bản án hoặc quyết định của tòa án có hiệu lực, tổ chức Hội có thẩm quyền thi hành kỷ luật họp xem xét, quyết định tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình thức kỷ luật đối với hội viên vi phạm.

- Cán bộ, hội viên vi phạm bị truy nã hoặc bị tòa án tuyên phạt từ hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên, ban chấp hành tổ chức Hội có thẩm quyền họp ra quyết định khai trừ ra khỏi Hội, không phải theo quy trình thi hành kỷ luật.

3. Đối với ủy viên ban chấp hành các cấp, ủy viên ban kiểm tra các cấp: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội.

- Việc thi hành kỷ luật ủy viên ban chấp hành với hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức phải được ban chấp hành thảo luận, đề nghị với sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành được triệu tập; ban thường vụ tổ chức Hội cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định với sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành được triệu tập.

- Với hình thức khai trừ ra khỏi Hội phải được ban chấp hành thảo luận, đề nghị với sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số ủy viên ban chấp hành được triệu tập; ban thường vụ

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

tổ chức Hội cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định với sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên được triệu tập.

- Ủy viên ban chấp hành các cấp sinh hoạt ở tổ chức cơ sở Hội, nếu vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống và thực hiện nhiệm vụ hội viên phải được phân hội, chi hội thảo luận, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội xem xét, báo cáo ban thường vụ tổ chức Hội có thẩm quyền họp xem xét, quyết định.

Nếu vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ do tổ chức Hội cấp trên giao thì do cấp giao nhiệm vụ có thẩm quyền xem xét, quyết định; sau khi quyết định hình thức kỷ luật, cấp ra quyết định thông báo cho tổ chức cơ sở Hội nơi hội viên sinh hoạt biết.

- Ủy viên ban kiểm tra không phải là ủy viên ban chấp hành thì việc thi hành các hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ do ban chấp hành tổ chức Hội cùng cấp họp xem xét, quyết định.

4. Đối với tổ chức Hội (kể cả ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra): Khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

- Thi hành kỷ luật tổ chức Hội với hình thức khiển trách, cảnh cáo do ban kiểm tra Hội cấp trên trực tiếp xem xét, đề nghị; ban thường vụ hội cấp tỉnh, thành phố xem xét, quyết định với sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên được triệu tập.

- Thi hành kỷ luật ban kiểm tra với hình thức khiển trách, cảnh cáo do ban thường vụ cùng cấp đề nghị; ban chấp hành cùng cấp họp xem xét, quyết định với sự nhất trí của trên một phần hai ủy viên được triệu tập.

- Thi hành kỷ luật giải tán đối với tổ chức Hội khi vi phạm kỷ luật đặc biệt nghiêm trọng do ban thường vụ tổ chức Hội cấp trên trực tiếp họp đề nghị với sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số ủy viên được triệu tập. Trước khi quyết định phải báo cáo và được sự đồng ý bằng văn bản của Thường trực Trung ương Hội.

5. Ban kiểm tra các cấp khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Hội, khi phát hiện hội viên, tổ chức Hội cấp dưới có vi phạm, ban kiểm tra yêu cầu, kiến nghị với ban chấp hành tổ chức Hội có vi phạm sửa chữa, khắc phục. Trường hợp phải xem xét, thi hành kỷ luật, sau khi báo cáo với ban chấp hành (ban thường vụ cấp tỉnh, thường trực Trung ương Hội), ban kiểm tra cấp tỉnh và Trung ương Hội được quyền thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với hội viên của tổ chức Hội cấp dưới (không phải là ủy viên ban chấp hành cùng cấp).

6. Ban kiểm tra cấp tỉnh, thành phố và Ban Kiểm tra Trung ương Hội khi xem xét, đề nghị hoặc quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền đối với hội viên, ủy viên ban chấp hành và tổ chức Hội cấp dưới phải được sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số ủy viên được triệu tập.

XV. Đình chỉ sinh hoạt Hội của hội viên; đình chỉ sinh hoạt ban chấp hành của ủy viên ban chấp hành

1. Đình chỉ sinh hoạt Hội và sinh hoạt ban chấp hành

Việc đình chỉ sinh hoạt Hội của hội viên, đình chỉ sinh hoạt ban chấp hành của ủy viên ban chấp hành nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

tổ chức Hội có thẩm quyền, không để hành vi vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn. Do đó, chỉ áp dụng trong các trường hợp sau:

- Hội viên (kể cả ủy viên ban chấp hành các cấp) bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định khởi tố, truy tố; có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội mà có hành vi cụ thể, cố ý gây trở ngại cho hoạt động của ban chấp hành và công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật của Hội thì phải đình chỉ sinh hoạt Hội.

- Ủy viên ban chấp hành có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, pháp luật của Nhà nước mà có hành vi cụ thể, cố ý gây trở ngại cho công tác kiểm tra của Hội, hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định khởi tố thì đình chỉ sinh hoạt ban chấp hành. Ủy viên ban chấp hành bị đình chỉ sinh hoạt Hội thì đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt ban chấp hành các cấp.

2. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt ban chấp hành

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt Hội đối với hội viên, đình chỉ sinh hoạt ban chấp hành đối với ủy viên ban chấp hành có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Hội và pháp luật của Nhà nước là 90 ngày làm việc, trường hợp cần thiết phải gia hạn thì thời hạn đình chỉ sinh hoạt kể cả gia hạn không được quá 180 ngày làm việc.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt Hội đối với hội viên, ủy viên ban chấp hành bị khởi tố, truy tố, tạm giam được tính theo thời hạn khởi tố, truy tố, tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt ban chấp hành

Ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội có thẩm quyền khai trừ hội viên, cách chức ủy viên ban chấp hành có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt Hội của hội viên, đình chỉ sinh hoạt ban chấp hành của ủy viên ban chấp hành.

- Đình chỉ sinh hoạt Hội của hội viên do phân hội, chi hội đề nghị, ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền kết nạp hội viên xem xét, quyết định

- Đình chỉ sinh hoạt Hội, hoặc đình chỉ sinh hoạt ban chấp hành của ủy viên ban chấp hành do ban chấp hành tổ chức Hội cùng cấp đề nghị, ban chấp hành (nơi có thường trực thì ủy quyền cho thường trực) tổ chức Hội cấp trên trực tiếp quyết định.

- Ban kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt ban chấp hành đối với hội viên, ủy viên ban chấp hành thuộc phạm vi quản lý của ban chấp hành tổ chức Hội cấp mình; giúp ban chấp hành làm các thủ tục đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt ban chấp hành theo đúng quy định.

- Ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội có thẩm quyền phải kịp thời xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của hội viên, ủy viên ban chấp hành bị đình chỉ sinh hoạt để quyết định cho hội viên, ủy viên ban chấp hành trở lại sinh hoạt theo đúng quy định. Trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình thì phải báo cáo, kiến nghị với ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Khi hội viên hết thời hạn tạm giam (kể cả gia hạn nếu có), không còn bị cơ quan pháp luật điều tra, truy tố thì ban chấp hành (ban thường vụ, ban kiểm tra) tổ chức Hội có thẩm quyền xem xét, thi hành kỷ luật hội viên theo mức độ vi phạm.

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì chưa quyết định xem xét cho hội viên trở lại sinh hoạt Hội.

4. Ban Kiểm tra Trung ương Hội hướng dẫn cụ thể đối tượng, nội dung, thẩm quyền, phương pháp, quy trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo; thi hành kỷ luật hội viên, ủy viên ban chấp hành và tổ chức Hội.

XVI. Về Hội phí

Về định mức đóng hội phí của hội viên; việc thu, nộp, quản lý và sử dụng Hội phí ở các cấp thực hiện theo Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

* Hướng dẫn này được phổ biến đến tổ chức cơ sở Hội và hội viên để thực hiện. Quá trình thực hiện có vấn đề vướng mắc, Hội Cựu chiến binh các cấp báo cáo về Thường trực Trung ương Hội để tổng hợp, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Hội./.

Nơi nhận:
- Ban TT Ủy ban TW MTTQVN (để b/c);
- Ban TV Đảng ủy DV, MTTQ,CĐTTW (để b/c);
- Ban TV Đảng ủy TW Hội;
- Ủy viên BCHTW Hội;
- Hội CCB các tỉnh, thành phố;
- Hội CCB khối 487;
- Các cơ quan, đơn vị /TW Hội;
- Lưu VT, Ban TC-CS-KT. H 180.

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Bế Xuân Trường

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.